

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày ... tháng ... năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định việc quản lý đường đô thị, đường huyện,
đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày và thay thế Chương I, II, IV Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng Ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Email: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH
Việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Quyết định số/2024/QĐ-UBND ngày của Ủy ban nhân dân tỉnh
Sóc Trăng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này Quy định việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn (gọi tắt là đường bộ) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

1. Thực hiện quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo vệ và bảo trì đường bộ và tài sản đường bộ được cấp trên trực tiếp giao hoặc thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình theo các quy định của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản đường bộ, pháp luật về đấu thầu, quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tập trung các nguồn lực phát triển đường bộ theo quy hoạch, kết nối đồng bộ các tuyến đường bộ, các phương thức vận tải khác với vận tải đường bộ; nghiên cứu, đề xuất xây dựng cơ chế đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội, đa dạng các hình thức, phương thức đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đường bộ;

Ưu tiên phát triển các tuyến đường, dự án đường bộ kết nối khu vực, đô thị, vùng đồng bào dân tộc, bảo đảm an toàn cho các đối tượng dễ bị tổn thương; giảm ùn tắc giao thông; phục vụ mục tiêu kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

3. Lập, quản lý, lưu giữ, bảo quản, khai thác, sử dụng hồ sơ quản lý, vận hành khai thác, bảo trì, bảo vệ đường bộ theo quy định của Luật Đường bộ, pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, pháp luật về đất đai và quy định của Nghị định này.

4. Việc quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ nhằm đảm bảo duy trì tuổi thọ công trình, duy trì chức năng sử dụng theo đúng quy mô thiết kế ban đầu được duyệt, bảo đảm giao thông an toàn và thông suốt, an toàn cho người và tài sản, an toàn công trình, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường. Đồng thời bảo đảm tuân theo trình tự, quy trình, kế hoạch và tiêu chuẩn, định mức nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật, bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng, khai thác.

5. Các tuyến đường bộ sau khi đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng được bàn giao về cơ quan quản lý đường bộ để tổ chức quản lý và bảo trì. Thủ tục bàn giao về cơ quan quản lý đường bộ theo quy định hiện hành; thời gian thực hiện quản lý được tính từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào quản lý, bảo trì giữa bên giao và bên nhận; thời gian thực hiện bảo trì đường bộ tính từ ngày hết thời hạn bảo hành công trình theo hợp đồng.

Chương II

ĐẤT CỦA ĐƯỜNG BỘ, HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ; XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ; BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ

1. Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo quy định tại Điều 14 Luật Đường bộ và quy định tại Quyết định này.

2. Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ đối với đường bộ ngoài đô thị được xác định như sau:

a) Chiều rộng phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ ngoài đô thị được xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ theo tiêu chuẩn thiết kế đường bộ, tính từ chân ta luy nền đường đắp như sau: 2,0 mét đối với đường cấp III; 1,0 mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

b) Đối với cầu vượt sông, kênh, rạch, chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu được xác định theo cấp kỹ thuật của cầu theo quy định của pháp luật về xây dựng, tính từ mép ngoài của móng các hạng mục công trình mố, trụ, mép ngoài của kết cấu cầu ra xung quanh như sau: 5,0 mét đối với cầu cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; 4,0 mét đối với cầu cấp III; 3,0 mét đối với cầu cấp IV.

c) Đối với cầu cạn, cầu vượt trên cao, chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu được tính từ mép ngoài của móng các hạng mục công trình mố, trụ, mép ngoài của kết cấu cầu ra mỗi bên như sau: 3,0 mét đối với cầu cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; 2,0 mét đối với cầu cấp III; 1,0 mét đối với cầu cấp IV.

d) Đối với công ngang đường, chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì công được xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ, tính từ mép ngoài của các hạng mục công trình đầu

cống, sân công, bộ phận kết cấu ngoài cùng của cống ra xung quanh như sau: 2,0 mét đối với đường cấp III; 1,0 mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

đ) Trường hợp không thuộc quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ nằm dọc phía ngoài lề đường và cách lề đường một khoảng đủ để xây dựng rãnh thoát nước, nhưng không nhỏ hơn 1,0 mét.

3. Phần đất bảo vệ, bảo trì đường đô thị được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Đường bộ.

4. Đối với các đoạn đường chồng lấn, giao nhau, đường liền kề nhau thì phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Luật Đường bộ.

5. Phần đất để bảo vệ, bảo trì bên phà đường bộ, công trình kè được xác định như sau:

a) Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì bên phà đường bộ được xác định theo cấp kỹ thuật của bên phà theo quy định của pháp luật về xây dựng, tính từ mép ngoài của đường xuống bên, công trình bên hoặc mặt bên trở ra như sau: **5,0 mét đối với bên phà cấp đặc biệt, cấp I; 4,0 mét đối với bên phà cấp II, cấp III; 3,0 mét đối với bên phà cấp IV.**

b) Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì đường dẫn xuống bên phà được xác định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Chiều rộng phần đất bảo vệ, bảo trì công trình kè được xác định theo cấp kỹ thuật của công trình kè theo quy định của pháp luật về xây dựng, tính từ mép ngoài của công trình kè trở ra như sau: **3,0 mét đối với kè cấp I; 2,0 mét đối với kè cấp II, cấp III; 1,0 mét đối với kè cấp IV.**

6. Trường hợp đường bộ có phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ chồng lấn với công trình đường thủy nội địa, ranh giới đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ là chân móng của đường, các hạng mục thuộc công trình đường bộ.

7. Trường hợp phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ đối với đường bộ ngoài đô thị, bên phà đường bộ, công trình kè được xác định như khoản 2, 5 Điều này lớn hoặc nhỏ hơn so với Nghị định hoặc Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định, thì phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ đối với đường bộ ngoài đô thị, bên phà đường bộ, công trình kè được xác định theo Nghị định hoặc Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 5. Hành lang an toàn đường bộ

1. Hành lang an toàn đường bộ được xác định theo quy định tại Điều 15 Luật Đường bộ và quy định sau:

2. Chiều rộng hành lang an toàn đường bộ được xác định như sau:

a) Đối với đường ngoài đô thị, chiều rộng hành lang an toàn đường bộ được xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ theo tiêu chuẩn thiết kế đường bộ, tính từ mép ngoài phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ trở ra mỗi bên như sau: 13 mét đối với đường cấp III; 9,0 mét đối với đường cấp IV, cấp V; 4,0 mét đối với đường từ cấp VI trở xuống.

b) Trường hợp đường bộ có đường bên, đường gom, đường song hành nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thì hành lang an toàn đường bộ được xác định theo cấp kỹ thuật của đường bộ theo tiêu chuẩn thiết kế đường bộ, tính từ mép ngoài cùng của phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ của đường bên, đường gom, đường song hành theo quy định tại điểm a khoản này nhưng không nhỏ hơn chiều rộng hành lang an toàn đường bộ của đường có cấp kỹ thuật cao nhất.

c) Trường hợp đường hiện hữu chưa xác định cấp kỹ thuật thì căn cứ chiều rộng mặt đường và tiêu chuẩn thiết kế đường bộ để xác định cấp kỹ thuật tương ứng làm căn cứ xác định chiều rộng hành lang an toàn đường bộ.

d) Đối với đường đô thị, hành lang an toàn đường bộ được xác định theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 15 Luật Đường bộ.

3. Chiều rộng hành lang an toàn cầu đường bộ được xác định như sau:

a) Đối với phần cầu vượt sông trên đường ngoài đô thị, hành lang an toàn theo chiều dọc cầu tính từ đuôi móng cầu ra mỗi bên như sau: 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét trở lên; 30 mét đối với cầu có chiều dài dưới 60 mét. Theo chiều ngang cầu tính từ mép ngoài cùng phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu trở ra mỗi bên như sau: 150 mét đối với cầu có chiều dài lớn hơn 300 mét; 100 mét đối với cầu có chiều dài từ 60 mét đến 300 mét; 50 mét đối với cầu có chiều dài từ 20 mét đến dưới 60 mét; 20 mét đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 20 mét.

b) Đối với cầu cạn (bao gồm phần cầu chạy trên cạn của cầu vượt sông có chiều dài lớn hơn 300 mét), cầu vượt trên cao trên đường ngoài đô thị, hành lang an toàn cầu xác định theo cấp kỹ thuật của tuyến đường bộ kết nối hai bên đầu cầu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

c) Đối với cầu trên đường trong đô thị, hành lang an toàn theo chiều dọc cầu được xác định như đối với cầu trên đường ngoài đô thị; hành lang an toàn theo chiều ngang cầu đối với phần cầu chạy trên cạn, kể cả phần cầu chạy trên phần đất không ngập nước thường xuyên và các cầu bắc qua sông, kênh, rạch không có hoạt động vận tải đường thủy được tính từ mép ngoài phần đất bảo vệ, bảo trì cầu ra mỗi bên 7,0 mét, phần mô cầu xác định như hành lang đường đô thị; đối với phần cầu còn lại, xác định theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

d) Tại các nút giao thông đô thị, các cầu vượt và cầu dành cho người đi bộ qua đường, hành lang an toàn cầu xác định theo thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chiều rộng hành lang an toàn bên phà đường bộ được xác định như sau:

a) Theo chiều dọc: bằng chiều dài đường xuống bên phà.

b) Theo chiều ngang: từ tim bên phà trở ra mỗi phía thượng lưu, hạ lưu là 150 mét.

5. Chiều rộng hành lang an toàn kè được xác định từ mép ngoài của kè, trở ra như sau:

a) Đối với kè, tường chắn chống xói để bảo vệ nền đường: hành lang an toàn kè tính từ đầu kè, tường chắn và từ cuối kè, tường chắn về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 50 mét; từ chân kè, tường chắn trở ra sông 20 mét.

b) Đối với kè, tường chắn chỉnh trị dòng nước, hành lang an toàn kè tính từ chân kè, tường chắn về hai phía thượng lưu, hạ lưu mỗi phía 100 mét; từ gốc kè, tường chắn trở vào bờ 50 mét; từ chân đầu kè, tường chắn trở ra sông 20 mét.

c) Đối với kè, tường chắn bảo vệ không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này, hành lang an toàn kè, tường chắn được xác định theo hành lang an toàn đường bộ quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Việc xác định và quản lý mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Đường bộ và quy định sau đây:

a) Đối với đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, chủ đầu tư phải xác định giới hạn đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ và thực hiện như sau:

- Đối với đất của đường bộ, lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Đối với đất hành lang an toàn đường bộ: Chủ đầu tư tiến hành cắm mốc lộ giới để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy định như đối với hành lang đường bộ đang khai thác.

Trường hợp công trình và các tài sản khác nằm trong hành lang an toàn đường bộ ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ thì chủ đầu tư tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Đối với đường bộ đang khai thác, cơ quan quản lý đường bộ chủ trì, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương xác định giới hạn đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ và lập kế hoạch thực hiện các công việc sau đây: rà soát, xác định giới hạn phần đất của đường bộ, phần đất hành lang an toàn đường bộ; tiến hành cắm mốc lộ giới để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy hoạch; rà soát hiện trạng tình trạng sử dụng đất, các công trình, cây cối trong phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ để quản lý theo quy định.

c) Cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm thông báo vị trí mốc lộ giới, ranh giới hành lang an toàn đường bộ (trong trường hợp chưa cắm mốc lộ giới) cho tổ chức, cá nhân liên quan biết để thực hiện; điều chỉnh, bổ sung mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ khi có thay đổi trong thời gian quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ.

Điều 6. Xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Công trình hạ tầng xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác, sử dụng phải thực hiện theo quy định tại Điều 19 Luật Đường bộ và theo quy định này.

2. Trước khi xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác, sử dụng, chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Đường bộ.

3. Chủ đầu tư xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng có trách nhiệm hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng do xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật phải được người quản lý, sử dụng đường bộ chấp thuận và thực hiện các quy định sau:

a) Kết cấu hạ tầng đường bộ hoàn trả phải được thiết kế, thi công, nghiệm thu, bảo hành theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Quy mô, chất lượng, yêu cầu kỹ thuật kết cấu hạ tầng đường bộ hoàn trả không được thấp hơn kết cấu hạ tầng đường bộ trước khi xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng.

4. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 6 Điều này thực hiện các quy định sau:

a) Chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác, sử dụng và phương án hoàn trả kết cấu hạ tầng đường bộ bị ảnh hưởng;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo văn bản chấp thuận, quy định tại các Điều 7, 19, 21 của Luật Đường bộ và quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ yêu cầu tháo dỡ, di dời công trình hạ tầng xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ để thực hiện dự án xây dựng đường bộ, thực hiện sửa chữa kết cấu hạ tầng đường bộ, để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ, hoặc mục đích khác thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ

thuật có trách nhiệm tháo dỡ, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật để thực hiện các công việc trên.

6. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Đường bộ, trừ công trình đề điều, công trình quốc phòng, an ninh phải hoàn trả công trình đường bộ bị ảnh hưởng, bố trí kinh phí và tổ chức di dời công trình trong các trường hợp sau đây:

a) Khi cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, người quản lý, sử dụng đường bộ có yêu cầu di dời công trình để đầu tư, xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, cải tạo, sửa chữa, bảo trì công trình đường bộ;

b) Công trình ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ, an toàn công trình đường bộ mà không có biện pháp khắc phục;

c) Công trình xây dựng trái phép.

7. Thẩm quyền chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác, sử dụng được thực hiện như sau:

a) Cơ quan đường bộ thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện đối với đường bộ do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ

1. Việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20, Điều 35, Điều 36 và Điều 37 Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, quy định của pháp luật về phòng, chống cháy, nổ, quy định của pháp luật về bảo trì công trình xây dựng, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định của Nghị định này.

2. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng đường dây, ống cấp năng lượng, cấp, thoát nước chịu trách nhiệm về chi phí và việc thực hiện bảo trì các công trình này, trừ khi hợp đồng lắp đặt có quy định khác.

3. Chủ sở hữu, người được giao quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, người quản lý, sử dụng đường bộ, tổ chức, cá nhân khác thông báo kịp thời cho chủ sở hữu đường dây, ống cấp năng lượng, cấp, thoát nước để sửa chữa nếu có hư hỏng, cung cấp thông tin để phối hợp trong công tác quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì các loại đường dây, ống cấp năng lượng, cấp, thoát nước được lắp đặt trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, bảo đảm việc khai thác các công trình an toàn, hiệu quả.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC

KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 8. Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Kết cấu hạ tầng đường bộ phải được bảo vệ, bao gồm:

a) Bảo vệ công trình đường bộ; bến xe; bãi đỗ xe; trạm dừng nghỉ; điểm dừng xe, đỗ xe và các công trình khác của đường bộ (sau đây gọi chung là công trình kết cấu hạ tầng đường bộ); thiết bị lắp đặt vào công trình kết cấu hạ tầng đường bộ;

b) Bảo vệ đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ.

2. Nội dung bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ gồm các công việc quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Đường bộ.

3. Phạm vi bảo vệ bao gồm: phần diện tích trên mặt đất (kể cả mặt nước) của kết cấu hạ tầng đường bộ, kể cả đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ theo quy định tại Điều 14 Luật Đường bộ và Điều 4 quy định này, hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Điều 15 Luật Đường bộ và Điều 5 quy định này.

4. Trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của người quản lý, sử dụng đường bộ:

a) Tổ chức thực hiện bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ để bảo đảm an toàn kết cấu hạ tầng đường bộ;

b) Thực hiện các quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Đường bộ;

c) Quản lý, bảo vệ, công bố, công khai mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ; điều chỉnh, bổ sung mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ trong thời gian quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng đường bộ và quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ và công trình kết cấu hạ tầng đường bộ;

d) Thực hiện tuần kiểm đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Đường bộ.

5. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng bến xe; bãi đỗ xe; trạm dừng nghỉ; điểm dừng xe, đỗ xe có trách nhiệm bảo vệ các công trình này theo quy định tại khoản 1, 2, điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 21 Luật Đường bộ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Nhà thầu thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ theo hợp đồng ký kết với người quản lý, sử dụng đường bộ; thực hiện tuần đường theo quy định tại Điều 35 Luật Đường bộ.

7. Trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của cơ quan quản lý đường bộ bao gồm:

- a) Thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này đối với kết cấu hạ tầng đường bộ là tài sản công được giao quản lý, sử dụng;
- b) Kiểm tra, thanh tra tổ chức, cá nhân quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này trong thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;
- c) Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

Điều 9. Quản lý, vận hành, khai thác kết cấu hạ tầng đường bộ

1. Việc vận hành các thiết bị chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông, thiết bị phục vụ nâng hạ cầu, cầu quay phải được thực hiện đồng thời với công tác quản lý, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường bộ;

2. Việc vận hành bến phà đường bộ, cầu phao đường bộ phục vụ giao thông đường bộ phải thực hiện theo quy trình vận hành, sử dụng của từng bến phà, cầu phao và phải được trang bị các phương tiện, thiết bị bảo đảm an toàn trên sông. Trường hợp mực nước sông dâng cao, lũ, bão, gió vượt quá giới hạn quy định trong quy trình vận hành phải dừng hoạt động để bảo đảm an toàn;

3. Việc vận hành, sử dụng biển báo hiệu hoặc biển báo hiệu điện tử trên đường bộ để thông báo các thông tin thay đổi về tốc độ cho phép tham gia giao thông và các cảnh báo khác cho người tham gia giao thông và tổ chức, cá nhân liên quan biết. Thông tin trên biển báo hiệu hoặc biển báo hiệu điện tử có thể thay đổi khi thay đổi quy định về tốc độ, khi cần điều chỉnh tốc độ và khi có các thông tin thay đổi ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông.

Điều 10. Tuân đường phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì đường bộ

Tổ chức, cá nhân được giao thực hiện quản lý, bảo dưỡng tuyến đường bộ đang khai thác, sử dụng có trách nhiệm tổ chức thực hiện tuân đường để phục vụ quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ theo các quy định sau:

1. Kiểm tra, xử lý hư hỏng công trình kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm
 - a) Phát hiện kịp thời các hư hỏng, dấu hiệu hư hỏng công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình và thông báo cho cơ quan quản lý đường bộ, nhà thầu bảo dưỡng công trình đường bộ;
 - b) Đối với các hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình, nhân viên tuân đường có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời. Trường hợp

vượt quá khả năng tự thực hiện thì thực hiện biện pháp cảnh báo tạm thời (sử dụng báo hiệu nguy hiểm bằng cờ, đèn, còi cảnh báo hoặc ra hiệu bằng tay, khẩu lệnh, đặt các chướng ngại vật dễ nhận biết cảnh báo từ xa hoặc các biện pháp cần thiết khác), thông báo ngay cho cơ quan quản lý đường bộ, nhà thầu bảo dưỡng công trình đường bộ;

c) Đối với các công trình, bộ phận hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình đã xuống cấp chưa được thay thế và đang tiếp tục khai thác sử dụng, nhân viên tuần đường có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng làm việc của công trình, bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình; theo dõi tình hình khai thác, sử dụng, ghi vào nhật ký tuần đường và thông báo cho cơ quan quản lý đường bộ, nhà thầu bảo dưỡng công trình đường bộ; khi hư hỏng gây mất an toàn công trình và an toàn giao thông thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này;

d) Khi xảy ra sự cố công trình hoặc công trình có dấu hiệu nguy hiểm không bảo đảm an toàn cho khai thác sử dụng, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ tuần đường có trách nhiệm: thông báo kịp thời cho người quản lý sử dụng công trình, cơ quan quản lý đường bộ, chính quyền địa phương nơi gần nhất, đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ để cảnh báo cho người tham gia giao thông; Thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn cho người, tài sản và phương tiện tham gia giao thông.

2. Thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bao gồm:

a) Phát hiện, ngăn chặn kịp thời tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đầu nối trái phép vào đường bộ, xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo, biển thông tin cố động, tuyên truyền chính trị, xây dựng công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trái quy định;

b) Lập biên bản xác nhận các hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Tổng hợp kết quả xử lý, khắc phục vi phạm, công tác cưỡng chế của chính quyền địa phương, báo cáo kịp thời đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ về các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm c Khoản này và đề xuất xử lý.

3. Thực hiện công tác bảo đảm an toàn giao thông, bao gồm:

a) Thông báo ngay khi có vụ tai nạn cho các tổ chức, cá nhân sau: lực lượng công an nơi gần nhất; cứu nạn y tế, cứu hộ giao thông (nếu cần); đại diện người quản lý, sử dụng công trình đường bộ và đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình, cơ quan quản lý đường bộ;

b) Tham gia xử lý khi có ùn tắc giao thông, cứu hộ, cứu nạn tai nạn giao thông; hướng dẫn tạm thời giao thông trong trường hợp cần thiết khi chưa có cảnh sát giao thông, cơ quan quản lý đường bộ; tham gia bảo vệ hiện trường tai nạn khi chưa có lực lượng chức năng;

c) Đối với trường hợp vụ tai nạn làm gãy, hỏng hộ lan, lan can cầu, cột tiêu, biển báo, làm hư hỏng cầu và các trường hợp gây thiệt hại công trình, nhân viên tuần đường bảo vệ hiện trường, thống kê các thiệt hại và yêu cầu người điều khiển phương tiện ở lại hiện trường; thông báo cho cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ; phối hợp với chính quyền địa phương hoặc lực lượng công an lập biên bản xác nhận thiệt hại làm căn cứ yêu cầu thực hiện bồi thường. Trường hợp tai nạn làm hư hỏng các kết cấu chịu lực của công trình đường bộ hoặc công trình hư hỏng nặng có dấu hiệu ảnh hưởng đến khả năng khai thác của công trình phải báo cáo người quản lý, sử dụng công trình đường bộ đến lập biên bản xác nhận thiệt hại làm căn cứ yêu cầu thực hiện bồi thường;

d) Phát hiện các tồn tại trong tổ chức giao thông, điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông để báo cáo cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị bảo dưỡng thường xuyên, vận hành khai thác công trình đường bộ.

4. Người được giao thực hiện tuần đường có trách nhiệm ghi nhật ký tuần đường. Trường hợp tham gia giải quyết tai nạn giao thông, sự cố công trình và các trường hợp khác không thể ghi nhật ký trong ngày thì ghi vào ca tuần đường tiếp theo. Nhật ký tuần đường phải phản ánh đầy đủ mọi tình trạng, sự cố xảy ra đối với đoạn đường, cầu và công trình, hành lang an toàn đường bộ trên tuyến đường; nhật ký tuần đường được lưu trữ và phải được bàn giao cho người quản lý, sử dụng đường bộ khi hết nhiệm vụ quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tuyến đường.

5. Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện tuần kiểm đường bộ để thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý, bảo vệ, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ của tổ chức, cá nhân được giao bảo dưỡng công trình đường bộ và việc thực hiện công tác tuần đường;

b) Tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân chấp hành quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; lập biên bản vi phạm việc quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng hành vi vi phạm, khắc phục hậu quả và khôi phục vị trí ban đầu;

c) Khi nhận được thông tin tai nạn giao thông, phải thông báo lực lượng công an, chính quyền địa phương nơi gần nhất và người tham gia giao thông; báo cáo cơ quan quản lý đường bộ, tổ chức, cá nhân khác có liên quan về tai nạn giao thông; tham gia xử lý khi có ùn tắc giao thông, cứu hộ, cứu nạn tai nạn giao thông; hướng dẫn tạm thời giao

thông trong trường hợp cần thiết khi chưa có cảnh sát giao thông, cơ quan quản lý đường bộ; tham gia bảo vệ hiện trường tai nạn khi chưa có lực lượng chức năng.

b) Tiếp nhận, theo dõi, xử lý các kiến nghị của tổ chức, cá nhân bảo dưỡng thường xuyên, người tuân đường và kiến nghị của tổ chức, cá nhân khác đối với các vi phạm về quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; tổ chức giao thông và trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở

1. Sở Giao thông vận tải

a) Phối hợp với UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, giải toả các công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh.

b) Chỉ đạo lực lượng Thanh Tra Sở Giao thông vận tải phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi trách nhiệm được giao.

2. Công an tỉnh

a) Có trách nhiệm chỉ đạo lực lượng Công an tăng cường công tác kiểm tra, duy trì trật tự an toàn giao thông, phân công cho Công an cấp huyện, cấp xã quản lý trật tự an toàn giao thông tránh chồng chéo trong quản lý xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông theo quy định; kiểm tra, xử lý xe quá khổ, quá tải và các vi phạm về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

b) Chủ trì và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan xây dựng các phương án đảm bảo an ninh, trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng trong việc xử lý, cưỡng chế, giải toả các vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Sở Xây dựng

Có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; hướng dẫn quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ; chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong đô thị; kiểm tra việc chấp hành xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đô thị theo quy hoạch đô thị và quy hoạch giao thông đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Sở Công thương

a) Có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý hoạt động đầu tư xây dựng và hoạt động kinh doanh của các cửa hàng xăng dầu, công trình điện và các cơ sở kinh doanh dịch vụ khác dọc theo đường bộ tuân thủ theo các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND cấp huyện và các cơ quan đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện đồng bộ các công trình điện (trên không và ngầm) xây dựng mới, cải tạo nâng cấp được xây dựng trên các tuyến đường đô thị hoạt động đúng theo quy định của pháp luật.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, phân loại, sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch, quản lý và xây dựng công trình thủy lợi, công trình tuyến ống cấp, thoát nước có liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để canh tác nông nghiệp bảo đảm an toàn công trình đường bộ.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, các cơ quan Báo, Đài và các cơ quan truyền thông tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy định này và các quy định về bảo vệ đường bộ, nhất là đường đô thị trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, UBND cấp huyện, các đơn vị liên quan, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện việc ngầm hóa, chỉnh trang các công trình viễn thông trên các tuyến đường đô thị theo đúng quy hoạch, các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành Thông tin và Truyền thông.

Điều 12. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đặt tên, số hiệu đường huyện thuộc phạm vi quản lý để phục vụ tốt cho công tác quản lý.

2. Chỉ đạo UBND cấp xã thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông và các lực lượng liên quan xử lý kịp thời các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền.

3. Chủ trì, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giải toả, cưỡng chế vi phạm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

4. Chủ trì, tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các quy định về đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn quản lý để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong các tầng lớp nhân dân.

5. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật, thực hiện ngay các biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

6. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình; kịp thời phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ thực hiện việc khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra để khôi phục và đảm bảo giao thông thông suốt trên địa bàn.

7. Cân đối ngân sách tại địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác ưu tiên cho công tác duy tu, bảo dưỡng, vận hành công trình đường bộ, đảm bảo êm thuận, an toàn, thông suốt.

8. Thường xuyên cập nhật và xây dựng cơ sở dữ liệu về đường bộ trên địa bàn được giao quản lý, báo cáo tình hình thực hiện quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình đường bộ theo định kỳ 06 tháng (trước ngày 30 tháng 6), 01 năm (trước ngày 31 tháng 12), hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu gửi về Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo yêu cầu.

Điều 13. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Thường xuyên thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường thuộc địa bàn quản lý. Phát hiện và phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Thanh Tra Sở Giao thông vận tải và các lực lượng liên quan kiểm tra, lập biên bản và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền.

2. Xây dựng kế hoạch, huy động lực lượng tham gia công tác giải toả, cưỡng chế vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo kế hoạch.

3. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; các văn bản về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông để nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về giao thông trong các tầng lớp nhân dân.

4. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật. Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới, hành lang an toàn đường bộ; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

5. Thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường giao thông nông thôn (trừ đường huyện) thuộc địa bàn quản lý do Nhà nước đầu tư hoặc nhận bàn giao do cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân đầu tư trên các tuyến đường xã, đường thôn; đường trong ngõ xóm và các điểm dân cư tương đương; đường trục chính nội đồng.

Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ

Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm công trình đường bộ; các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ. Ngay khi phát hiện đơn vị quản lý đường bộ phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản vi phạm, yêu cầu dừng ngay các hành vi vi phạm; nếu cần thiết, phải áp dụng các biện pháp tạm thời nhằm bảo đảm an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ. Có trách nhiệm phối hợp với Thanh Tra Sở Giao thông vận tải và chính quyền địa phương thực hiện giải toả công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ, báo cáo cơ quan quản lý đường bộ cấp trên về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ.

Điều 15. Chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình đường chuyên dùng chịu trách nhiệm quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường chuyên dùng.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.